TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2025/DS-ST
Ngày: 28 – 9 – 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mẫn Xuyên

Ông Phạm Minh Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 13, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ người chết để lại" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 82/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: số A, L, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Quyết T: Ông Lý Ngọc H, chức vụ: Giám đốc Phòng C (theo Quyết định số 7000/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Ngọc H: Bà Đỗ Thị Ngọc B, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng C (theo Giấy ủy quyền số 95/UQ-NHCS ngày 15 tháng 8 năm 2025) (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã H, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Mai Thị Tuyết P, sinh năm 1972

2.2. Ông Nguyễn Dương D, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Thị Tuyết P: Ông Nguyễn Dương D (theo Giấy ủy quyền ngày 15/9/2025 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Cần Thơ), (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng C, có người đại diện theo ủy quyền bà Đỗ Thị Ngọc B trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 139/2020/HĐ-TD, ngày 06/7/2020 thì ông Nguyễn Hữu D1 có vay của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Hậu Giang theo chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, số tiền vay là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), mục đích để trồng Mít T1, thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 07/7/2020 đến ngày 07/7/2025). Lãi suất cho vay 7,92%/năm cố định trong suốt thời gian vay, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất cho vay trong hạn. Phương thức trả nợ: trả nợ gốc 06 tháng/lần và lãi định kỳ vào ngày 07 hàng tháng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Cho vay không có tài sản bảo đảm.

Từ khi vay tiền, ông Nguyễn Hữu D1 chỉ thanh toán cho Ngân hàng C được số tiền lãi suất 4.575.809 đồng. Đến 09/3/2022 ông Nguyễn Hữu D1 chết, gia đình ông Nguyễn Hữu D1 là người thừa kế tài sản không thực hiện việc trả tiền vốn và lãi suất còn nợ cho Ngân hàng. Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông Nguyễn Hữu D1 gồm bà Mai Thị Tuyết P (vợ ông D1) và anh Nguyễn Dương D (con của ông D1) thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn cố tình không trả.

Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Ngọc B là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Mai Thị Tuyết P, anh Nguyễn Dương D (là người thừa kế của ông Nguyễn Hữu D1) có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền còn nợ tính đến ngày 28/9/2025 là 52.209.383 đồng (*Năm mươi hai triệu, hai trăm lẻ chín nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), nợ lãi là 12.209.383 đồng

(*Mười hai triệu, hai trăm lẽ chín nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng*) và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 29/9/2025 đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Dương D, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Mai Thị Tuyết P trình bày: Việc vay tiền giữa ông Nguyễn Hữu D1 với Ngân hàng C thì ông D ông và bà P không biết. Trong hợp đồng vay tiền với Ngân hàng C không có chữ ký của ông D, bà P. Vì vậy, Ngân hàng C yêu cầu ông D, bà P có nghĩa vụ trả số tiền 52.209.383 đồng, trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi là 12.209.383 đồng thì ông D không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ người chết để lại", căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu bị đơn bà Mai Thị Tuyết P, ông Nguyễn Dương D có nghĩa vụ trả số tiền 52.209.383 đồng, trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi là 12.209.383 đồng mà ông Nguyễn Hữu D1 còn nợ tại vay của Ngân hàng C. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 06/7/2020 ông Nguyễn Hữu D1 có lập Hợp đồng tín dụng số 139/2020/HĐ-TD để vay của Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện C số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), theo chương trình hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, mục đích để trồng Mít T1, lãi suất cho vay 7,92%/năm cố định trong suốt thời gian vay, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất áp dụng hiện tại 10,296%/năm. Từ khi vay tiền, ông Nguyễn Hữu D1 chỉ thanh toán cho Ngân hàng C được số tiền lãi suất 4.575.809 đồng thì ngưng. Đến 09/3/2022 ông Nguyễn Hữu D1 chết, gia đình ông Nguyễn Hữu D1 là người thừa kế tài sản của ông D1 chết để lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông Nguyễn Hữu D1 gồm bà Mai Thị Tuyết P (vợ ông D1) và anh Nguyễn Dương D (con của ông D1) thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà vẫn cố tình không trả từ đó làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng C.

[2.1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận*

khác”. Vì vậy, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Mai Thị Tuyết P (vợ ông D1) và anh Nguyễn Dương D (con của ông D1) có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng mà ông Nguyễn Hữu D1 còn nợ tại vay của Ngân hàng C là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu bị đơn bà Mai Thị Tuyết P (vợ ông D1) và anh Nguyễn Dương D (con của ông D1) phải trả lãi suất cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định trong Hợp đồng tín dụng số 139/2020/HĐ-TD lập ngày 06/7/2020. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất ...theo quy định pháp luật”.* Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định *“Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác”.* Sau khi vay ông D1 đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi suất cho Ngân hàng chính sách xã hội nhưng từ khi ông D1 chết thì bà Mai Thị Tuyết P và anh Nguyễn Dương D không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng đúng như hợp đồng đã thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng C yêu cầu bị đơn bà Mai Thị Tuyết P và anh Nguyễn Dương D trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2025) với số tiền 12.209.383 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 1, khoản 2 Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại:

“1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại…”.

Theo tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn Ngân hàng C cung cấp cho Toà án xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Hữu D1 gồm có bà Mai Thị Tuyết P (vợ ông D1) và anh Nguyễn Dương D (con của ông D1). Khi chết ông

Nguyễn Hữu D1 không để lại di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Hữu D1 gồm vợ và các con ông Nguyễn Hữu D1 là người trực tiếp quản lý tài sản của ông Nguyễn Hữu D1 chết để lại. Vì vậy, bà Mai Thị Tuyết P và anh Nguyễn Dương D có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Hữu D1 chết để lại. Do đó, yêu cầu của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng C là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Mai Thị Tuyết P, anh Nguyễn Dương D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Hữu D1 chết để lại số tiền là 2.610.469 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357, khoản 1, khoản 2 Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn bà Mai Thị Tuyết P, anh Nguyễn Dương D.

Buộc bị đơn bà Mai Thị Tuyết P, anh Nguyễn Dương D có nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Hữu D1 chết để lại cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền còn nợ tính đến ngày 28/9/2025 là 52.209.383 đồng (*Năm mươi hai triệu, hai trăm lẻ chín nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), nợ lãi là 12.209.383 đồng (*Mười hai triệu, hai trăm lẽ chín nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng*).

Bị đơn bà Mai Thị Tuyết P, anh Nguyễn Dương D còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền chưa trả trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Hữu D1 chết để lại cho Ngân hàng chính sách xã hội theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 139/2020/HĐ-TD lập ngày 06/7/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Mai Thị Tuyết P, anh Nguyễn Dương D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Hữu D1 chết để lại số tiền là 2.610.469 đồng (*Hai triệu, sáu trăm mười nghìn, bốn trăm sáu mươi chín đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV 13 – Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Lil